

TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG LỄ HỘI CHĂM

SAKAYA^(*)

I. TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THẦN BIỂN

1. Tín ngưỡng thờ Thần Nông nghiệp

Là cư dân nông nghiệp trồng lúa nước, trong tín ngưỡng, lễ hội, người Chăm có tục thờ các vị Thần nông, Thần thủy lợi như: Nữ thần Po Inư Nugar, Po Klaung Garai, Po Rame; các thần Mặt trời (Yang Aditiak), Thần Sông, Thần Núi, Thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp, v.v ...

Bên cạnh tục thờ các vị thần nông nghiệp, tín ngưỡng nông nghiệp trong lễ hội Chăm còn biểu hiện ở lễ vật dâng cúng. Lễ vật dâng cúng trong lễ hội Chăm là sản phẩm nông nghiệp như trâu, dê, gà, cơm, canh, cá trứng. Thức ăn chủ yếu bằng gạo được nấu lên; trâu, gà, dê thường là luộc, nướng; lúa thì thường rang (lúa nổ Chăm gọi là Kaman)... Hầu hết thức ăn đều lột lá chuối và đều là sản phẩm của nghề trồng trọt và chăn nuôi.

Những vật tam sinh (trâu, dê, gà) trước khi giết để tế thần đều phải thực hiện nghi lễ theo nghi thức cúng lễ của người Chăm. Thường thì các con vật này khi cúng cho các thần đền tháp là không phải chính tay tu sĩ Paseh giết mà người dân thường giết. Trước khi giết con vật, họ thường cầu Thần Đất (Po Tanuh Riya), Thần Trời (Po Lingk)... và cho chúng uống ba giọt nước để giải thoát linh hồn trước khi bị giết. Nghi thức này nhằm

tránh tội lỗi con người và linh hồn con vật được mau chóng siêu thoát (quan niệm của người Chăm). Còn vật cúng thần linh Alla (Yang Birow) thì phải do chính tu sĩ Acar (Chăm ảnh hưởng Islam giáo) cắt tiết. Trước khi cắt tiết con vật, tu sĩ Acar cũng giải thoát linh hồn bằng cách cho nó uống ba giọt nước và cầu kinh đến thánh Allah ba lần. Đây là nghi thức hiến tế mang dáng dấp Bàlamôn giáo và Islam giáo⁽¹⁾ có ở người Chăm.

Tín ngưỡng nông nghiệp trong lễ Chăm còn có tục tiến đưa “hình nhân thế mạng” (Salih) như ở lễ Rija Nugar (lễ hội múa đầu năm), lễ Palau Sah (cầu đảo) ở cửa biển, lễ Yươ yang (cầu đảo) ở tháp Chăm. Đây là những “hình nhân thế mạng” cho dân làng để mang đi những xấu xa xui xẻo, bệnh tật của con người, gia súc và cây trồng để năm mới dân làng được khỏe mạnh, mùa màng tốt tươi. Đây phải chăng là bóng dáng của lễ hiến sinh (tế người)⁽²⁾ của người Chăm thời tiền sử ở xã hội nguyên thủy mới làm nông nghiệp

*. Sakaya (Văn Món), Trung tâm nghiên cứu văn hoá Chăm, Ninh Thuận.

1. Xem thêm: Ngô Văn Doanh. *Đồ cúng trong Rija Nugar người Chăm - Những lớp văn hóa*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 3/2001, tr.78.

2. Xem: Văn Món. *Lễ Rija Nugar- một loại hình tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo*. Tạp chí Dân tộc học, số 3/1994, tr. 47 và số 2/1996, tr. 76. Về sau ý kiến này được Ngô Văn Doanh lặp lại trong bài *Đồ cúng trong Rija Nugar người Chăm- những lớp văn hoá*, Bdd.

sơ khai. Bằng chứng thực tế người của người Chăm từ xa xưa còn ghi lại trên bi kí tháp Po Klaung Garai như sau: “Bi số 114 - bia trụ đá trước tháp chính nói rõ cuộc hiến tế người, ruộng, đất, chủ yếu là cuộc hiến tế nô lệ bao gồm các nữ nô lệ như Rajaput, Vejudeva và nam nô lệ bao gồm các tên như Sivadit, Angara, Radhi. Trong đó có những tên nô lệ thuộc các nước Java (Javanese), Mã Lai (Malayan), Đại Việt (Yươn- Annamite)”⁽³⁾. Lễ hiến sinh là công việc trọng đại, quyết định sự tồn vong của cộng đồng. Do quan điểm thần linh cũng có nhu cầu tâm lí như con người ở dương thế cho nên muốn thần linh trợ giúp thì con người phải dâng cúng cho thần những gì sang trọng, quý giá nhất, kể cả người rồi mới đến con vật.

Tục tế người này của người Chăm còn phổ biến ở các cư dân khác. Chẳng hạn như lễ đâm trâu ở Tây Nguyên, có một số nhà nghiên cứu cho là bóng dáng của lễ hiến sinh⁽⁴⁾. Tại Ấn Độ thời cổ đại, hàng năm vẫn có tục tế người cho thần Siva ở sông Hằng và người Ariens cũng có tục giết ngựa trắng để tế thần Mặt Trời⁽⁵⁾. Như vậy, có thể trong trường hợp người Chăm dùng “hình nhân thế mạng” trong lễ hội là tàn dư hiến tế của Chăm thời viễn cổ nhằm tỏ rõ sức mạnh của cộng đồng trước thần linh. Hành vi tiễn đưa “hình nhân thế mạng” của họ trong các lễ trên như là sự cảnh cáo các vị thần hãy coi chừng, nếu nhận lễ vật cúng tế của con người rồi mà không đáp ứng lời cầu khẩn, nguyện vọng của cộng đồng thì sẽ bị cộng đồng phản ứng khôn lường. Đây cũng là một hành động nhằm răn đe các vị thần ác không được quấy phá con người, mùa màng của cư dân nông nghiệp⁽⁶⁾.

Về mặt thời gian, lễ hội Chăm thường cúng vào đầu năm mới như lễ hội mùa

Rija Nugar nhằm mục đích tiễn đưa những xấu xa, nóng nung của năm cũ và đón những điều tốt lành năm mới. Đặc biệt thời điểm này, người Chăm tổ chức lễ hội đón cơn mưa đầu năm. Còn lễ hội cầu đảo ở tháp Chăm, ở cửa biển (Yươn yang-Palau sah), lễ Ponai, Po Rijak... được tổ chức vào tháng Tư. Đây là thời điểm mới gieo cấy xong, thời tiết thường bị khô hạn, nắng nóng lúa còn đang chờ nước, chờ cơn mưa. Vì vậy người Chăm thường tổ chức lễ hội này để cầu mưa, cầu nước mà dân gian thường gọi là cầu đảo. Lễ hội Katê lễ hội lớn nhất của người Chăm được tổ chức vào tháng Bảy lịch Chăm (nhằm vào cuối mùa Thu - cuối tháng Chín hoặc đầu tháng Mười dương lịch). Đây là thời điểm tương đối nông nhàn. Họ thường tổ chức hội Katê để mừng được mùa và tạ ơn thần thánh, tổ tiên.

Tín ngưỡng nông nghiệp, tục thờ Thần Nông còn biểu hiện ở tục cúng, thờ (brah kran) và dâng gạo lễ (tuh brah) ở đền tháp, ở thánh đường, ở các lễ đập lúa của lễ cúng tế thần linh Puis, Payak. Đặc biệt ở nghi lễ đền tháp có đĩa gạo lễ là hiện thân của Thần Mẹ xứ sở Po Inư Nugar. Ở đây việc thờ thần lúa, gạo bên cạnh thờ Thần Mẹ, đồng hóa với Thần Mẹ đã có ý nghĩa sâu xa bắt nguồn từ thần thoại Po Inư Nugar đã dạy dân Chăm cày cấy, trồng lúa, dệt vải... Vì vậy, trong lúc hành lễ bà Bóng (Pajau) có tục thổi vào vỏ sò ba lần. Đây là tục gọi gạo trong

3. R.C Majumdar. *Po Klong Gorai Incriptions of Jaya Simhevarman III*, Incriptions of Champa, Calcuta, p. 127.

4. Nguyễn Minh Hoàng. *Lễ hội đâm trâu ở Tây nguyên*. Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, số 2/1993, tr. 27.

5. W. Durant. *Lịch sử văn minh Ấn Độ* (Nguyễn Hiến Lê dịch), Nxb. Lá Bối, Sài Gòn 1971, tr. 249.

6. Xem: Văn Món. *Lễ Rija Nugar- một loại hình tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo*, Bđd., tr. 47.

nghe lễ nông nghiệp của người Chăm và đĩa gạo lễ đó chính là tiến trình của sự phát triển cây lúa. Gạo lễ chính là kết quả của quá trình lao động, là biểu hiện của nghi thức cầu mùa của cư dân nông nghiệp trong tín ngưỡng, lễ hội Chăm⁽⁷⁾.

Tín ngưỡng nông nghiệp Chăm còn biểu hiện ở chỗ trong các tục cúng lễ thầy Bông (Kain), bà Bông (Pajau). Những người này thường ngồi ở bàn tổ cầm tô nước (patil) cầu khẩn, khi tô nước đã được tụ thủy năng lượng của thiên thần thì bà bóng dùng lá cây rẫy nước thánh này xung quanh bàn tổ hoặc trước cửa đền tháp. Đây là động tác tương tự như mưa rơi, vừa là động tác có tính ma thuật nhằm ban phát năng lượng thiên nhiên xuống cõi trần cho cây cối tốt tươi, đâm chồi nảy lộc.

Tín ngưỡng nông nghiệp, tục thờ Thần Nông trong tín ngưỡng, lễ hội Chăm còn biểu hiện trong các bài thánh ca, các bài hát đối đáp và tín ngưỡng phồn thực. Bài thánh ca của các thầy Kadha hát trong lễ hội Chăm không chỉ là ca ngợi công lao chính của các vị thần mà còn luôn gắn với mưa, với nước, với thủy lợi, với công việc đồng áng. Chẳng hạn như trong bài hát ca ngợi Thần Mẹ Xứ sở Po Inư Nugar, thầy Kadha kéo đàn Rabap hát ca ngợi công đức của vị thần đã tạo ra đất, nước, con người, làng xóm, cây lúa, ruộng vườn, v.v... Hát về Po Kluang Garai, Po Rame thì các vị thần này luôn gắn với thủy lợi, với sông nước, với mưa. Thần Po Kluang Garai, Po Rame đắp đập ngăn sông, dẫn nước về đồng ruộng cho dân làng cày cấy; Po Kluang Garai, Po Rame hiện về dự lễ hội luôn đem theo mưa xối xả, nước lai láng, mệnh mông, dân làng bơi thuyền thoả thích⁽⁸⁾. Đó chính là một khát vọng về nước, một khát vọng ngàn đời của người Chăm, một cư dân làm nông nghiệp

lúa nước định cư ở dải đất Miền Trung nhiệt đới nhiều nắng ít mưa. Ngoài chủ đề về mưa, nước, bài hát lễ hội Katê còn ca ngợi về công việc đồng áng, mùa màng, sản vật trăm hoa trăm quả, trăm nghề. Thậm chí có cả tiếng chim hót (Bài hát chim tu hú- Tawao) và điều bay (bài ca ngợi thần Yang in trong lễ Katê tháp Po Rame) và động tác giao cấu (múa phồn thực)... đã trở thành chủ đề của tục cúng tế, bài thánh ca, tục hát đối đáp trong lễ hội Chăm, bao trùm lễ hội đã gọi lên được một bộ mặt của xã hội Chăm thời viễn cổ. Đó là một xã hội nông nghiệp mà cư dân luôn mang ước vọng có cuộc sống thanh bình, êm ả, thịnh vượng. Đây là một ước mơ, một ý tưởng, một chủ đề đẹp mang tính nhân văn xuyên suốt ngàn đời của dân tộc Chăm trong tín ngưỡng, trong lễ hội từ xưa đến nay.

2. Tục thờ Thần Biển

Sống ở dải đất Miền Trung với địa hình đa dạng, một bên là núi - đồng bằng, một bên là biển cả, người Chăm đã tận dụng triệt để khai thác môi trường tự nhiên để hình thành đời sống của họ. Kết quả của quá trình ấy đã hình thành ở người Chăm hai nghề cơ bản để kiếm sống: nghề nông và nghề đi biển. Cho đến nay mặc dù người Chăm đã mất nghề đi biển, chỉ còn lại truyền thống làm nông nghiệp nhưng sinh hoạt biển vẫn còn dấu ấn trong tín ngưỡng, lễ hội.

Trong tín ngưỡng lễ hội Chăm, người Chăm còn thờ Thần Biển (Yang Tasik), Thần Sóng Biển (Po Riyak), Thần Chèo Thuyền (Po Tang Ahauk). Các vị thần này đều gắn liền với biển: Po Inư Nugar sinh ra từ bọt biển; Po Riyak thường

7. Xem: Văn Món. *Lễ Rija Nugar- một loại hình tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo*, Bđd., tr, 47.

8. Theo bài hát Katê về các vị thần đã trình bày.

“chèo thuyền vào lúc đêm khuya, hạ buồm cho thuyền chạy, nghe tiếng vọng lại trong sóng biển”; còn Po Tang Ahauk thì “người ta có nhà để ở, ngài làm nhà trú ngụ ở đại dương”, “thuyền ngài nhuộm màu chàm, dài 37 sải, cho thuyền đi trên sóng”⁽⁹⁾.

Trong lễ hội múa Rija Chăm khi cúng Thần Sóng Biển, đặc biệt là Thần Chèo Thuyền thì thầy Mứduôn hát những bài thánh ca, nội dung miêu tả biển cả, cảnh lao động trên biển, thầy Bóng thì cầm cây chèo thuyền múa phụ họa nhịp chèo thuyền trên nền nhạc mô phỏng lại nhịp vỗ của sóng biển, điệu nhạc đó gọi là điệu “Po tang Ahuak”. Trong lễ hội múa lớn (Rija praung), người Chăm còn có tục hát bài Vải chài (puoc jal) diễn tả lại cảnh kéo lưới, đánh cá trên biển. Cũng trong lễ này, người Chăm còn đóng hai chiếc thuyền nhỏ bằng gỗ (ahauk) gắn với nhiều sự tích, huyền thoại của biển. Cuối cùng hai chiếc thuyền được thả trôi sông, trôi biển làm chủ đề kết thúc nghi lễ⁽¹⁰⁾.

Trong lễ hội Chăm, một số lễ không chỉ có tổ chức ở các địa điểm như mỏm núi, bờ sông, bờ ruộng, đền tháp, thánh đường ở làng Chăm mà một số lễ liên quan đến biển thì người Chăm tổ chức ở ven biển, ở các cửa biển như lễ cầu đảo (Palau sah), lễ cúng Thần Sóng Biển (Po Riyak), lễ cúng hoàng hậu Bisôl ở Hòn Đỏ (Mỹ Tường, Ninh Thuận), v.v... Chủ đề của lễ này là hướng ra biển, ngoài tục cúng đa thần thì các lễ chủ yếu cúng các vị thần liên quan đến biển như nêu trên. ở nghi lễ này người Chăm luôn cầu mong các vị thần biển cho “mưa thuận gió hoà, tôm cá đầy khoang”⁽¹¹⁾.

Trong lễ hội Chăm, sản phẩm dâng cúng thần linh ngoài lễ vật là sản phẩm chăn nuôi và trồng trọt (cơm, canh, gà, dê, rượu, trứng...) thì cũng có lễ vật của biển

cả như cá biển khô, cá đuối, con vít, ốc biển trong một số lễ như Ramwan, lễ cúng tế thần Puis, Payak, v.v... Đặc biệt, đa số trong các lễ nghi ở đền tháp, lễ cúng tế thần linh, lễ tế trâu đều có đĩa gạo lễ và 3 vỏ sò gọi là “Brah kran”⁽¹²⁾. Đây là biểu trưng cho sự hoà hợp của người Chăm ở vùng cao làm lúa nước và vùng thấp làm nghề đi biển mặc dù họ luôn lấy nghề nông làm gốc.

Nói chung lễ hội Chăm lưu lại nhiều dấu ấn văn hoá khác nhau, trong đó lễ hội đã tái tạo được một cách sinh động về sinh hoạt nông nghiệp và nghề đi biển. Thông qua đó chúng ta thấy rõ dấu ấn của tục thờ thần nông và thần biển của người Chăm. Tục thờ ấy, đến lượt mình góp phần quan trọng trong việc hình thành và phong phú thêm loại hình tín ngưỡng đa dạng, đặc sắc của người Chăm.

II. TÍN NGƯỠNG PHÂN THỰC

Tín ngưỡng phân thực hay nói cách khác là tư tưởng lưỡng lập (dualism), hay triết lí âm - dương (yin- yang) trong lễ hội Chăm được biểu hiện sâu sắc trên nhiều bình diện.

Trước tiên, tín ngưỡng trong lễ hội Chăm là là kết quả của sự nhận thức về vũ trụ, nhân sinh quan của người trên dải đất Miền Trung có khí hậu khắc nghiệt. Tư liệu cổ Chăm có ghi lại rằng, vũ trụ ban đầu là một cõi hư vô (ekal), tối tăm mù mịt gồm có hai phần: Phần trên là cõi hư vô thuộc về trời (akal) và phần

9. Theo bài thánh ca cúng các vị thần ở lễ múa Rija Chăm. Tục múa hát chèo thuyền và tục thả 2 chiếc thuyền luôn có mặt trong bài múa lớn (Rija praung).

10. Tục múa hát chèo thuyền và tục thả 2 chiếc thuyền luôn có mặt trong bài múa lớn (Rija praung).

11. Lời cầu khẩn của thầy Bóng trong lễ cầu đảo (Palau Sah) ở cửa biển Mỹ Tân, Ninh Thuận năm 1993.

12. Gạo lễ bà Bóng.

dưới thuộc về đất (tanuh riya). Sau đó vũ trụ sinh ra Thần Trời (Po Lingik) - Thần Đất (Po Tanuh Riya) và Thần Mẹ (Po Inu) - Thần Cha (Po Yang Amu). Từ đó Thần Trời kết hợp với Thần Đất; Thần Mẹ kết hợp với Thần Cha mà sinh ra muôn loài vạn vật⁽¹³⁾. Như vậy việc phân chia Thần Trời và Thần Đất; Thần Mẹ và Thần Cha để rồi cuối cùng hợp nhất các cặp đó lại với nhau chính là sự khái quát hoá đầu tiên, là tiền đề để hình thành cấu trúc lưỡng hợp, tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội Chăm. Theo tinh thần đó, người Chăm luôn mang vào lễ hội tư tưởng phân chia sự vật làm hai nửa để phát triển và rồi gắn lại để trường tồn.

Một lễ hội Chăm, cụ thể là lễ hội múa Rija, luôn được phân chia thành hai hình thức lễ cúng khác nhau giữa dòng Núi (atau cok) và dòng Biển (atau tasik); Cũng như tên đất, tên vùng trong lễ hội, trong các bài thánh ca hát về thần thánh, người Chăm luôn có ý niệm về cấu trúc lưỡng hợp mang tính phồn thực để hình thành, phát triển sự vật, hiện tượng hay một đất nước, một quốc gia. Trong lịch sử, đất nước người Chăm cũng được cấu thành bởi hai vùng, hai thị tộc, hai cộng đồng: Người Chăm ở vùng cao (vùng núi) làm nghề trồng lúa chọn cây cau (Pinung) hoặc hươu, chim, gà; và người Chăm ở vùng thấp (vùng biển) làm nghề biển chọn cây dừa (Li-u) hoặc cá, rần, rùa... làm biểu tượng cho mình. Trong tín ngưỡng, tôn giáo người Chăm có hai bộ phận: Chăm Ahiêr- Chăm ảnh hưởng Bà la môn và Chăm awal- Chăm ảnh hưởng Islam giáo. Tương ứng với hai bộ phận này là hai hệ thống lễ hội khác nhau (lễ hội đền tháp như lễ hội Katê và lễ hội ở thánh đường như lễ hội Ramuwan).

Trong lễ hội Chăm, biểu hiện của tín ngưỡng phồn thực, tư duy cặp đôi còn

phải kể đến đền tháp - một không gian rất thiêng của tín ngưỡng, của lễ hội Chăm. Cấu trúc của đền tháp luôn mang hai yếu tố: âm-dương, đực-cái, lửa-nước... Đó là các bộ thờ linga-yoni trong đền tháp Chăm. Linga biểu hiện bằng khối tròn tượng trưng cho dương vật (đực) và Yoni biểu hiện bằng khối vuông tượng trưng cho âm vật (cái). Trong kiến trúc đền miếu còn có tháp lửa (Sang Yang Apui) để thờ "thần lửa" và tháp cổng vừa là lối ra vào, vừa là nơi "rước nước" tắm thân. Đồng thời, trong lối kiến trúc nhà cửa của người Chăm, ở khuôn viên nhà phải có nhà đực (sang mưyâu) và nhà cái (sang yơ hoặc sang mưnai); lại phải có nước đằng Đông (pangun ia) và lửa đằng Tây (sang gin)... Hai yếu tố đực- cái, lửa- nước không chỉ tạo cho đền tháp, nhà cửa Chăm có bố cục cân xứng, hài hoà mà nó còn biểu tượng một sự phồn thực, sinh sôi nảy nở.

Y phục sử dụng trong lễ hội Chăm cũng biểu hiện yếu tố đực- cái, mặt trời- mặt trăng, ngày - đêm, sáng - tối. Y phục của chức sắc tu sĩ trong lễ hội chỉ có hai màu; áo màu trắng là màu mặt trăng và quần khăn đỏ là màu mặt trời. Tuy vậy mỗi bộ phận tôn giáo, chức sắc tu sĩ phục vụ lễ hội Chăm đều mang sắc thái khác nhau. Tu sĩ Chăm Bà la môn bản thân là tượng trưng cho đực nhưng lại mặc áo dài trắng, búi tóc, đeo túi hình âm vật tượng trưng cho cái; ngược lại tu sĩ Chăm Bà ni bản thân tượng trưng cho cái nhưng đầu không để tóc, trước cổ áo có đeo túi hình dương vật tượng trưng cho đực. Mặc dù bị phân chia như vậy nhưng giữa tu sĩ Chăm Ahiêr và tu sĩ Chăm awal không tách rời nhau, tuy hai nhưng là một,

13. Tư liệu cổ Chăm: "Tìm hiểu về vụ trụ thuở hang hoang" của thầy Võ Hán Phái, 70 tuổi (Chung Mỹ, Ninh Thuận).

trong âm có dương, trong dương có âm, chuyển hoá hội nhập lẫn nhau.

Cấu trúc lưỡng hợp còn biểu hiện ngay trên y phục truyền thống của người phụ nữ Chăm. Y phục này được cấu tạo thành hai phần: phần trên màu nóng (xanh, đỏ, vàng) và phần dưới màu lạnh (trắng) hoặc ngược lại. Đặc biệt trong đám tang, y phục liệm cho người chết phải được xen kẽ theo quy luật âm-dương (màu lạnh-nóng) mà người Chăm gọi là “sa yuor sa klăm”.

Người Chăm còn có lịch pháp để xem ngày lành tháng tốt phục vụ lễ hội gọi là “Sakawi bauh liteh”. Lịch này được phân chia làm hai loại: âm lịch của người awal tính ngày tháng theo chu kì Mặt Trăng gọi là “Sakawi awal” dùng để phục vụ lễ hội ở thánh đường (sang mưgik). Và lịch của người Chăm Ahiêr tính ngày tháng theo chu kì Mặt Trời (dương), gọi là “Sakawi ahiêr” dùng để phục vụ các lễ hội ở đền tháp và ngày đám cưới, đám tang, vào nhà mới cho cả Chăm Ahiêr và Chăm awal. Lịch Chăm có 8 can nhưng người Chăm chia ra 4 can (Lik, hak, jim, juí) thuộc về trời; và 4 can còn lại (Dal, bak, wao, jim) thuộc về đất (âm). Ngày tháng trong lịch Chăm cũng chia làm hai phần âm và dương.

Tín ngưỡng phồn thực còn được người Chăm tuân thủ nghiêm ngặt trong từng lễ hội. Mỗi loại lễ hội đều mang một biểu trưng riêng, hoặc là tượng trưng cho “cha- mẹ”, “trời- đất”, hoặc là cho “lửa- nước”. Chẳng hạn lễ hội Katê của người Chăm cúng vào tháng 7 là lễ cúng cho các vị nam thần Po Klaung Garai, Po Rame- thuộc về trời (cha); và lễ cúng Chabun vào tháng 9 là lễ cúng cho các nữ thần Po Inư Nugar- thuộc về đất (mẹ). Trong lễ cúng người Chăm còn có lễ cúng “thần lửa” (yuor-yang)- thuộc về lửa ở đền tháp

vào tháng 4 lịch Chăm và lễ cúng “cầu đảo” ở các biển - thuộc về nước.

Trong lễ hội Chăm mặc dù cùng một nghi lễ nhưng thần linh họ luôn sắp xếp thành hai hệ thống: thần linh Ahiêr- Chăm ảnh hưởng Bà la môn (yang bimon) và thần linh awal- Chăm ảnh hưởng Islam giáo (yang birow). Theo đó lễ vật cúng các vị thần linh mới (yang birow) phải là món chay (kaya yuor) thuộc về dương như xôi, rượu, trứng, hoa quả, trầu cau... và lễ vật cúng cho thần linh ở đền tháp là món mặn (kaya klăm) thuộc về âm như dê, gà, cơm canh... Lễ vật được sắp xếp theo thứ tự nhất định, cúng cho nữ thần thì lễ vật phải được xếp 9 tầng trên mâm lễ và cúng cho nam thần thì lễ vật được xếp theo 7 tầng (mỗi tầng có bánh tét, trái cây). Trái cây, hoa quả, chẳng hạn như chuối cúng cho Thần Trời thì phải để ngửa và cúng cho Thần Đất thì phải để úp. Thịt dê gà cúng tế vị thần cũng được phân chia làm hai phần: phần đầu, hai chân trước, tim, gan, phổi của con dê, gà luộc được đặt trên mâm cao có đế thuộc về dương (salai) và từ phần rốn đến hai chân sau của con dê, gà đặt ở mâm thấp thuộc về âm (patui). Chiếu trái để cúng (ciew bang) cũng vậy. Chiếu trái cúng Thần Trời (Po) thì trái ngửa (mặt chính) và chiếu trái cúng Thần Đất thì trái úp (mặt trái).

Lễ hội của người Chăm thường diễn ra trong hai ngày và có hai phần gọi là *ngày vào* (tamư yang) thường cúng vào buổi chiều (âm) và *ngày ra* (tabik yang) thường cúng vào buổi sáng (dương). Bên cạnh đó, thầy cúng lễ cũng luôn có cặp đôi như Thầy kéo đàn Rabap (nam) luôn cúng lễ với bà Bóng trong nghi lễ đền tháp và Thầy gõ trống (Muduôn) với Vũ sư (Muk Rija) hoặc với thầy Bóng trong lễ múa ở làng Chăm. Cấu trúc lưỡng hợp

của người Chăm không chỉ dừng lại ở thấy cúng lễ mà còn hình thành cặp đôi giữa Nam thần- Nữ thần; giữa vùng cao-vùng thấp; giữa núi- biển. Trong lễ cúng nam thần Po Klaung Garai, Po Rame... luôn gắn với nữ thần Po Inư Nugar; Po Bin Thuôr (Chế Bồng Nga) thì gắn với hoàng hậu Bi sô; Po Riyak (Thần Sóng Biển) gắn với nữ thần Po Nai (nữ hoàng đi tu), v.v...

Hơn thế nữa, tín ngưỡng phồn thực, cấu trúc lưỡng hợp hay tư duy cặp trong lễ hội Chăm còn biểu hiện trong những bài thánh ca, hát về truyền thuyết, tiểu sử các vị thần. Truyền thuyết và những bài thánh ca trong lễ hội Chăm cho rằng, Po Nugar từ trời giáng trần xuống ở núi Đại An (Lang Li Gi) nhưng sau đó lại nhập vào thân trâm trôi ra “biển cả” đi lấy chồng Trung Hoa. Po Riyak cuộc đời và sự nghiệp gắn với “biển cả” nhưng cuối cùng thân lại hoá thân vào “tảng đá núi” (Po Iwah tamư di bauh tali). Tương tự Po Nai khởi đầu sự nghiệp ở “núi cao” nhưng cuối cùng nữ hoàng đi tu lại về với “biển cả” (Nai mưn di kruk riyak)⁽¹⁴⁾.

Trong lễ hội Chăm, có tục hát đối đáp trong lễ hội múa đầu năm Rija và lễ cúng nữ thần Po Inư Nugar:

Hát về thần Mẹ xứ sở Po Nugar⁽¹⁵⁾:

Nam hát: *Sa boh kok par mưng page lek din e hamu ak.*

Nữ hát: *Sa boh kok mưng klam lek di dam hamu nưh.*

Tạm dịch:

Nam hát: *Cò bay trong buổi sáng tinh mơ, cò bay cò đậu trên đồng phù sa.*

Nữ hát: *Cò bay trong đêm tối mịt mù, cò bay cò đậu trên đồng lúa xanh.*

Trong tục hát đối đáp trên luôn có nam có nữ. Hát đối nhau từng đoạn từng

ý. Các cặp từ đối nhau trong bài hát nêu trên như: “buổi sáng- đêm tối”, “tinh mơ- mịt mù”, “đồng phù sa - đồng lúa xanh”.

Ngoài hát đối đáp, người Chăm còn có tục múa phồn thực trong nghi lễ do một người đàn ông khỏe mạnh trong làng và bà Bóng đảm nhiệm. Người đàn ông lúc múa cầm ba cây dương vật bằng gỗ nhún nhảy cho đầu dương vật chầm xuống đất trong sự thúc giục của trống nhạc Chăm và tiếng hò reo của dân làng. Hình ảnh múa phồn thực mà cây dương vật chầm xuống đất theo tư duy người Chăm là sự giao thoa giữa trời - đất, đực - cái và mẹ - cha.

Nhìn chung, trong tín ngưỡng phồn thực, các cặp đối lập được người Chăm luôn đặt bên nhau, hoà hợp với nhau để tạo thành một thể thống nhất. Có như vậy thì mới mưa thuận gió hoà; con người, cây cối, vật nuôi mới sinh sôi nảy nở, sức khỏe dồi dào, an khang thịnh vượng, tôm cá đầy khoang, con cháu đầy đàn. Đặc trưng này không chỉ có riêng trong nền văn hoá Chăm mà còn là mẫu số chung của nền văn hoá Đông Nam Á và cả các dân tộc sinh sống ở phương Nam như Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Campuchia, v.v... Đặc biệt ở nước ta loại hình văn hoá này còn được thấy ở dân tộc Kinh và các dân tộc ở Tây nguyên. Thế nhưng đặc trưng văn hoá này lại rất điển hình, ổn định, bền vững và nhất quán trong đời sống văn hoá vật chất và tinh thần, đặc biệt là trong tín ngưỡng, lễ hội của người Chăm./.

14. Theo bài hát lễ vị thần trong lễ hội múa đầu năm Rija Nugar.

15. Bài hát đối đáp (dauh sa) trong lễ múa đầu năm (Rija nugar) thôn Bính Nghĩa, Ninh Thuận năm 1993. Tư liệu điền dã do ông La Xuân Diễm, 65 tuổi ở Bính Nghĩa, Ninh Thuận cung cấp. Xem thêm Văn Môn: *Lễ Rija- Một tín ngưỡng dân gian Chăm độc đáo*, Bdd.